

BÁO CÁO THAM LUẬN

Đánh giá hiệu quả về công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ của Bộ, việc xây dựng ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong năm 2022 và các chương trình nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trọng điểm, kế hoạch ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong giai đoạn 2022-2025

PHẦN 1

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VỀ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ NĂM 2022

1.1. Khái quát về công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2022

Nguồn kinh phí cho nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ luôn được triển khai có trọng tâm gắn với hoàn thiện các chủ trương chính sách, điều tra cơ bản, quy hoạch, ứng dụng công nghệ trong khoa học về trái đất, khí tượng thủy văn. Năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang triển khai thực hiện 101 đề tài cấp bộ chuyển tiếp với tổng kinh phí phê duyệt phân bổ cho là 87.208 triệu đồng (trong đó có 83 đề tài sẽ kết thúc trong năm 2022). Số lượng đề tài mở mới năm 2022 đang triển khai thực hiện là 76 đề tài cấp Bộ và 15 đề tài cấp cơ sở với tổng kinh phí phân bổ là 52.850 triệu đồng.

Xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ năm 2023, Vụ đã cùng 06 Ban chủ nhiệm chương trình KH&CN trọng điểm cấp bộ và các chuyên gia họp để xác định các nhiệm vụ đưa vào xét tại Hội đồng tư vấn xác định danh mục 2023 để lựa chọn được các nhiệm vụ có tính ưu tiên theo khung chương trình đã phê duyệt cho giai đoạn 2021-2025. Các nhiệm vụ mở mới năm 2023 các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tập trung nghiên cứu và phát triển các nhiệm vụ phục vụ xây dựng văn bản pháp luật về tài nguyên và môi trường; ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực đất đai, đo đạc bản đồ và viễn thám, tài nguyên nước, môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, địa chất khoáng sản, biển và hải đảo và ứng dụng khoa học và công nghệ trong chuyển đổi số và chính phủ điện tử; ĐMST trong các ngành, lĩnh vực, các hướng công nghệ ưu tiên; các chương trình thực hiện theo quyết định của Thủ tướng chính phủ. Hiện nay, Vụ đang phối hợp cùng các đơn vị và Hội đồng tư vấn tổ chức họp tuyển chọn/xét giao trực tiếp đối với 81 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ dự kiến mở mới năm 2023 đối với các chương trình nêu trên để kịp tiến độ phân bổ kinh phí khoa học và công nghệ năm 2023.

1.2. Kết quả thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ theo các lĩnh vực quản lý nhà nước

1.2.1. Lĩnh vực đất đai

Các nhiệm vụ KH&CN đã kịp thời cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn cho việc

hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai phục vụ sửa đổi và xây dựng Luật Đất đai: đã đề xuất định hướng đổi mới, hoàn thiện cấu trúc của Luật Đất đai nhằm sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 và tiến tới xây dựng Bộ Luật Đất đai; cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước về quản lý chất lượng tài nguyên đất và phục hồi đất bị thoái hóa cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất hoàn thiện quy định về phân loại đất và chế độ quản lý, sử dụng đất đa mục đích, xây dựng công trình đa năng nhằm phục vụ sửa đổi Luật Đất đai 2013; đề xuất đổi mới mô hình tổ chức cơ quan quản lý đất đai các cấp đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0 và góp phần xây dựng Chính phủ điện tử ; đề xuất đổi mới các nội dung áp dụng các phương pháp định giá đất bảo đảm việc định giá đất cụ thể phù hợp với giá đất thị trường; đề xuất các tiêu chí, điều kiện sử dụng đất vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng mà phải thu hồi đất. Kết quả nghiên cứu các đề tài đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất cơ chế, giải pháp phục vụ cho việc xây dựng chính sách pháp luật đất đai, nhằm nâng cao công tác quản lý nhà nước về đất đai của ngành tài nguyên và môi trường, kịp thời áp dụng cho quá trình sửa đổi Luật đất đai năm 2013.

1.1.2 Lĩnh vực tài nguyên nước

Các nhiệm vụ KH&CN đã và đang thực hiện trong năm 2022 thuộc lĩnh vực TNN đã cung cấp cơ sở khoa học cho việc triển khai, sửa đổi luật TNN cũng như các văn bản dưới luật, tại các vấn đề: Cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn xác lập mô hình quản trị tài nguyên thông minh, phát triển tài nguyên nước phù hợp với điều kiện ở Việt Nam; Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách hợp tác trong điều tra, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, tài nguyên địa chất, khoáng sản liên quốc gia của Việt Nam; Cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất quy định pháp luật về sử dụng tiết kiệm, tái sử dụng, tuần hoàn tài nguyên nước. Kinh nghiệm quốc tế xác lập hệ thống chỉ tiêu đánh giá, theo dõi an ninh tài nguyên nước quốc gia.

1.1.3. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản

Các nhiệm vụ KH&CN đã xác lập các phương pháp đánh giá các khoáng sản vàng, đá quý, wolfram ở các điểm quặng, điểm mỏ; xác định cấu trúc địa chất phục vụ công tác dự báo triển vọng khoáng sản trên cơ sở tổ hợp các phương pháp nghiên cứu địa chất - khoáng sản và địa vật lý, viễn thám phục vụ định hướng cho công tác tìm kiếm, thăm dò khoáng sản; ứng dụng hệ phương pháp điều tra, thăm dò và các diện tích có triển vọng về quặng đất hiếm ở khu vực Tây Bắc Việt Nam phục vụ cho công tác quy hoạch khoáng sản đất hiếm ở khu vực Tây Bắc nói riêng và Việt Nam nói chung; Cung cấp cơ sở dữ liệu phục vụ công tác xây dựng Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.2.4 Lĩnh vực môi trường

Các nhiệm vụ KH&CN đã tập trung vào các nội dung như nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư đến di sản thiên nhiên và đề xuất các quy định quản lý; cơ sở khoa học đề xuất giải pháp thực hiện tín dụng xanh theo quy định của Luật bảo vệ môi trường; nâng cao mức độ tự động hóa nhằm hoàn thiện công nghệ tiếp nhận, phân loại chất thải rắn sinh hoạt trong hệ thống kín và xử lý theo hướng thu hồi tài nguyên, không gây ô nhiễm môi trường; đề xuất giải pháp quản lý, xử lý pin năng lượng mặt trời thải; nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về xác định khoảng cách an toàn về môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đến khu dân cư và đề xuất áp dụng cho Việt Nam; nghiên cứu xây dựng các nội dung về quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường và hệ thống chỉ tiêu thống kê môi trường; nghiên cứu xây dựng quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, thiết bị thu gom, lưu chứa tạm thời chất thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân.

1.2.5 Lĩnh vực khí tượng thủy văn

Các nhiệm vụ KH&CN đã nghiên cứu ứng dụng các chỉ số dao động khí hậu quy mô lớn vào dự báo khí hậu cho Việt Nam, lựa chọn được bộ chỉ số dao động khí hậu quy mô lớn phục vụ dự báo khí hậu cho Việt Nam và trên cơ sở bộ chỉ số này đã xây dựng được mô hình thống kê dự báo khí hậu ở Việt Nam hạn 3 tháng. Nghiên cứu tích hợp, lồng ghép các thông tin khí hậu và dự báo thời tiết hạn dài phục vụ phát triển nông nghiệp thông minh ở khu vực Bắc Trung Bộ: đề tài đã xây dựng được Bộ chỉ tiêu khí hậu, khí hậu nông nghiệp, rủi ro khí hậu phục vụ phát triển nông nghiệp thông minh ở khu vực Bắc Trung Bộ và Chương trình máy tính chạy trên nền WebGIS tích hợp, lồng ghép hệ thống thông tin khí hậu, dự báo khí hậu phục vụ phát triển nông nghiệp thông minh; Nghiên cứu phát triển mô hình thủy văn thông số phân bố trong dự báo lũ cho các lưu vực sông ở Việt Nam: Đề tài đã xây dựng phần mềm mã nguồn mở dự báo lũ bằng mô hình thủy văn thông số phân bố có sử dụng phương pháp ước tính thông số tối ưu kèm theo quy trình công nghệ. Nghiên cứu xây dựng hệ thống cảnh báo mức nước lũ từ xa sử dụng sóng vô tuyến cho các lưu vực nhỏ: kết quả đề tài là Hệ thống cảnh báo lũ theo cấp báo động trên các lưu vực sông, suối nhỏ.

1.2.6 Lĩnh vực biến đổi khí hậu:

Năm 2022, Bộ đã triển khai các hướng nghiên cứu nhằm phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu như Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn đề xuất cơ chế chính sách thúc đẩy doanh nghiệp tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu; Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn kiểm kê phát thải khí mê-tan bậc cao nhất từ bãi chôn lấp chất thải rắn góp phần tăng cường độ chính xác trong kiểm kê quốc gia khí nhà kính; Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn kiểm kê hấp thụ CO₂ của cỏ biển ven bờ phục vụ việc kiểm kê khí nhà kính quốc gia. Đến nay đề tài đã nghiên cứu được cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về thúc đẩy doanh nghiệp tham gia hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu và Tổng quan hệ thống cơ chế, chính sách liên

quan đến thúc đẩy doanh nghiệp ứng phó với BĐKH tại Việt Nam.

1.2.7. Lĩnh vực biển và hải đảo:

Các nhiệm vụ nghiên cứu đã xây dựng được cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất nội dung quy định về quản lý hoạt động lấn biển, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; cơ sở khoa học phục vụ xây dựng Quy định kỹ thuật xây dựng bản đồ nhạy cảm môi trường do dầu tràn; đặc điểm khoáng vật, địa hóa và dự báo tiềm năng khoáng sản rạn biển sâu Nam Trung Bộ Việt Nam phục vụ định hướng điều tra khoáng sản rạn biển sâu.

1.2.8. Lĩnh vực đo đạc và bản đồ

Các nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị sử dụng trong công tác đo đạc để tăng dần khả năng tự chủ về công nghệ là điểm nổi bật trong nghiên cứu KH&CN trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ. Ngoài thiết bị bay không người lái là kết quả nghiên cứu của Viện Khoa học đo đạc và Bản đồ đã được đưa vào sử dụng hiệu quả, thì gần đây thiết bị đo GNSS và xuống không người lái sử dụng đo bản đồ tỷ lệ lớn đáy sông biển được chế tạo trên cơ sở tích hợp thiết bị đo sâu hồi âm với hệ thống IMU-GNSS-RTK cũng đã được hoàn thành. Các loại thiết bị này cho thấy khả năng nắm bắt, cải tiến công nghệ để có thể tự chủ và áp dụng hiệu quả cho Việt Nam, đảm bảo chất lượng và giảm chi phí đã được nâng cao thông qua công tác nghiên cứu khoa học.

1.2.9. Lĩnh vực Viễn thám

Cung cấp cơ sở khoa học ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong tính toán lượng phát thải các bon sử dụng tư liệu viễn thám phục vụ kiểm kê khí nhà kính, đã được đưa vào ứng dụng theo hướng tự động hoá trên cơ sở sử dụng giải pháp Bigdata-viễn thám; quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý hành lang bờ biển; dự báo, đánh giá diễn biến một số vấn đề môi trường chính trong việc xây dựng, theo dõi và giám sát đánh giá môi trường chiến lược của địa phương. Hoàn thiện quy trình công nghệ giám sát biến đổi mực nước sông Hồng và sông Mê Kông bằng công nghệ đo cao vệ tinh có độ chính xác cao (sai số khoảng 20-30cm). Giám sát, kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản tại một số tỉnh trọng điểm phía Bắc bằng công nghệ kết hợp ảnh viễn thám và ảnh chụp từ thiết bị bay không người lái; ứng dụng dữ liệu viễn thám đa thời gian trong giám sát sự biến động hệ thực vật vùng ven biển (vùng chuyển tiếp giữa lục địa và biển, bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển)...

PHẦN 2
ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG, BAN HÀNH CÁC QUY CHUẨN KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TRONG NĂM 2022

2.1. Kết quả xây dựng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia năm 2022

Năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng 31 dự thảo TCVN và dự kiến sẽ được công bố trong năm 2022, gồm:

- Lĩnh vực địa chất và khoáng sản (có 26 TCVN): Bộ TNMT đã gửi Bộ KHCN để công bố 8 TCVN nhóm phân tích, 6 TCVN nhóm địa vật lý lỗ khoan; 09 TCVN đã gửi Bộ KHCN để thẩm định trước khi trình công bố.

- Lĩnh vực khí tượng thủy văn (có 03 TCVN): Bộ TNMT đã gửi Bộ KHCN để công bố theo đúng kế hoạch

- Lĩnh vực viễn thám (có 02 TCVN): Bộ TNMT đã gửi Bộ KHCN để công bố theo đúng kế hoạch.

Năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang triển khai xây dựng xây dựng 21 TCVN thuộc các lĩnh vực, gồm: Khí tượng Thủy văn (03 TCVN); Địa chất và khoáng sản (14 TCVN). Ca TCVN này đang được các đơn vị xây dựng, dự kiến sẽ trình bộ TNMT thẩm tra, Bộ KHCN thẩm định, công bố trong năm 2023.

Bảng tổng hợp số lượng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia năm 2021 - 2022

STT	Lĩnh vực	Năm 2021		Năm 2022		
		Xây dựng	Công bố	Xây dựng	Kế hoạch công bố	Tình trạng công bố
1	Đất đai	0	02	0	0	
2	Tài nguyên nước	0	0	0	0	
3	Địa chất và khoáng sản	26	23	14	26	- Đã gửi Bộ KHCN để công bố 8 TCVN nhóm phân tích, 6 TCVN nhóm địa vật lý lỗ khoan. - 09 TCVN đã gửi Bộ KHCN để thẩm định trước khi trình công bố
4	Môi trường	0	0	0	0	
5	Khí tượng thủy văn	03	09	03	03	Đã gửi Bộ KHCN để công bố 03 TCVN theo đúng kế hoạch
6	Biến đổi khí hậu	0	01	01	0	
7	Quản lý tổng hợp Biển và Hải	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực	Năm 2021		Năm 2022		
		Xây dựng	Công bố	Xây dựng	Kế hoạch công bố	Tình trạng công bố
	đào					
8	Đo đạc và Bản đồ	0	0	0	0	
9	Viễn thám	02	0	02	02	Đã gửi Bộ KH-CN để công bố 02 TCVN theo đúng kế hoạch
10	Công nghệ thông tin	0	0	0	0	
	Tổng hợp	31	35	20	31	

2.2. Kết quả ban hành các Tiêu chuẩn quốc gia năm 2022

Năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng 18 dự thảo QCVN và được công bố trong năm 2022 theo kế hoạch, gồm:

- Lĩnh vực đo đạc và bản đồ: 02 QCVN về hoàn thiện hệ thống QCVN đối với bản đồ và cơ sở dữ liệu nền địa lý các tỷ lệ 1:50.000 và 1:100.000 thống nhất theo chuẩn QCVN 42:2020/BTNMT ban hành ngày 31/8/2020. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Thông tư số 06/2022/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2022 ban hành 02 QCVN trên.

- Lĩnh vực tài nguyên nước : 01 QCVN về lập bản đồ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:100.000 thuộc kế hoạch, Cục quản lý Tài nguyên nước đang hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm tra để gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định theo quy định.

- Lĩnh vực môi trường: 15 QCVN (06 QCVN về phế liệu nhập khẩu; 05 QCVN về chất lượng môi trường, 04 QCVN về chất thải)

+ Đối với 06 QCVN về phế liệu nhập khẩu: Bộ Khoa học và Công nghệ đã có văn bản thẩm định. Tổng cục Môi trường đã hoàn thiện lại các dự thảo theo ý kiến thẩm định và trình Bộ ký ban hành đối với 05 dự thảo QCVN về phế liệu nhập khẩu. Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ không ban hành QCVN đối với xỉ hạt lò cao thay thế QCVN 67:2018/BTNMT (do Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất chỉ cho phép nhập khẩu phế liệu này đến hết 31/12/2021).

+ Đối với 05 QCVN về chất lượng môi trường: Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 3278/BKHCN-TĐC ngày 16/11/2021 về việc thẩm định 05 dự thảo QCVN. Trên cơ sở các ý kiến thẩm định, Tổng cục Môi trường môi trường đã tiếp thu, giải trình, hoàn thiện lại 05 dự thảo QCVN về chất lượng môi trường và

trình Bộ Tài nguyên và Môi trường ký ban hành trong năm 2022.

+ Đối với 04 QCVN về chất thải: Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nhận được văn bản thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 697/BKHCN-TĐC ngày 04/04/2022. Tổng cục Môi trường đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện các dự thảo, dự kiến trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành trong năm 2022.

Năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và rà soát, sửa đổi 22 QCVN (Xây dựng mới 06 QCVN đo đạc bản đồ, 01 QCVN về biến đổi khí hậu; rà soát, sửa đổi 03 QCVN về chất lượng môi trường và 12 QCVN về chất thải và xử lý chất thải):

- 06 QCVN đo đạc bản đồ về việc hoàn thiện hệ thống quy chuẩn quốc gia đối với bản đồ và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:50.000 và 1:100.000 thống nhất theo chuẩn QCVN 42:2020/BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 31/ 8 /2020 đang được thực hiện theo kế hoạch.

- 01 QCVN biến đổi khí hậu về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn góp phần thực hiện nghĩa vụ như cam kết đối với Nghị định thư Montreal đang được thực hiện theo kế hoạch.

Bảng tổng hợp số lượng Tiêu chuẩn quốc gia năm 2021 – 2022

STT	Lĩnh vực	Năm 2021		Năm 2022		
		Xây dựng	Công bố	Xây dựng	Kế hoạch công bố	Tình trạng công bố
1	Đất đai	0	0	0	0	
2	Tài nguyên nước	01	0	0	01	Cục QLTTN chưa có Công văn gửi Bộ TNMT thẩm tra (chậm tiến độ)
3	Địa chất và khoáng sản	0	0	0	0	
4	Môi trường	15	0	15	15	Xem mục ghi chú (*) dưới bảng
5	Khí tượng thủy văn	0	01	0	0	
6	Biến đổi khí hậu	0	0	01	0	
7	Quản lý tổng hợp Biển và Hải đảo	0	0	0	0	
8	Đo đạc và Bản đồ	02	02	06	02	Đã ban hành tại Thông tư số 06/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2022
9	Viễn thám	0	0	0	0	
10	Công nghệ thông tin	0	0	0	0	
	Tổng hợp	18	03	22	18	

(*) Ghi chú:

- Đối với 06 QCVN về phé liệu nhập khẩu: Tổng cục Môi trường đã hoàn

thiện lại các dự thảo theo ý kiến thẩm định và trình Bộ ký ban hành đối với 05 dự thảo QCVN về phế liệu nhập khẩu. Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ không ban hành QCVN đối với xỉ hạt lò cao thay thế QCVN 67:2018/BTNMT (do Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất chỉ cho phép nhập khẩu phế liệu này đến hết 31/12/2021

- Đối với 05 QCVN về chất lượng môi trường và 04 QCVN về chất thải: Bộ KHHCN đã có văn bản thẩm định. Tổng cục Môi trường đang tiếp tục rà soát theo ý kiến chỉ đạo tại cuộc họp ngày 02/11/2022 với chuyên gia Hàn quốc thống nhất nội dung các QCVN.

2.3. Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong việc xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia

2.3.1. Thuận lợi

Việc quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật là thuận lợi và phù hợp, thống nhất đầu mối quản lý, áp dụng linh hoạt chế độ tiêu chuẩn tự nguyện áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, tạo bước tiến rõ rệt về năng suất, chất lượng của các sản phẩm, dịch vụ trong nước. Đồng thời, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước cũng như quyền lợi và trách nhiệm của các tổ chức, đơn vị trong hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Sự phối hợp giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ quản lý chuyên ngành trong việc xây dựng và thẩm quyền ban hành QCVN là chặt chẽ, hiệu quả và hợp lý.

2.3.2. Khó khăn

- Nguồn nhân lực tham gia xây dựng, biên soạn tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật còn thiếu kinh nghiệm. Số lượng nhân lực có trình độ cao và kinh nghiệm nhận chủ trì, tham gia xây dựng quy chuẩn kỹ thuật ngày càng ít đi, chưa thu hút, huy động được các chuyên gia, nhà khoa học tham gia xây dựng, biên soạn Tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Việc tham khảo áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật nước ngoài để áp dụng cho Việt Nam cần phải có nghiên cứu để xem xét các thông số cho phù hợp với điều kiện Việt Nam nên một số TCQC ban hành chưa đạt tiến độ.

- Thông tư số 23/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 26/2019/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật đều quy định việc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi dự thảo kế hoạch đến bộ quản lý chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để lấy ý kiến. Tuy nhiên, cần rà

soát để đảm bảo nội dung này được thực hiện đầy đủ.

- Khi xem xét ban hành các QCĐP, theo quy định UBND Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thẩm tra hồ sơ dự thảo QCĐP để xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ dự thảo QCĐP theo quy định và chuyển hồ sơ dự thảo QCĐP kèm theo biên bản thẩm tra đến bộ quản lý chuyên ngành tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 78/2018/NĐ-CP để tổ chức xem xét, cho ý kiến. Tuy nhiên, việc tổ chức xem xét cho ý kiến đối với các QCĐP của các Bộ, trong trường hợp nội dung QCĐP mang tính chất phức tạp, Bộ quản lý chuyên ngành cần tổ chức xin ý kiến tham vấn chuyên gia hay tổ chức họp với các bên liên quan thì không có kinh phí để tổ chức thực hiện

- Do Quyết định số 3433/QĐ-BKH-CN ngày 28/12/2021 ban hành Danh mục Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt sau thời gian xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách năm 2022 nên các nhiệm vụ xây dựng TCVN năm 2022 không được giao kinh phí thực hiện vào đầu năm 2022 dẫn đến khó khăn trong việc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

- Việc chuyển đổi hệ thống Quy phạm, Quy định kỹ thuật sang hệ thống Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật còn chậm.

PHẦN 3

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRỌNG ĐIỂM, BAN HÀNH CÁC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN CỦA NGÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2023-2025

3.1 Kế hoạch thực hiện chương trình KHCCN trọng điểm cấp bộ năm 2023

3.1.1. Căn cứ, nguyên tắc phân bổ kinh phí nhiệm vụ năm 2023

Căn cứ Nghị quyết Quốc hội số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 về phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023; Nghị quyết Quốc hội số 70/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023, theo đó kinh phí ưu tiên phân bổ theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Các nhiệm vụ đặt hàng của Lãnh đạo Bộ;
- Các nhiệm vụ kết thúc năm 2023 theo kế hoạch;
- Các nhiệm vụ mở mới phục vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3.3.2. Thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ

a. Đề tài chuyển tiếp năm 2023

Ưu tiên cấp kinh phí theo kế hoạch thực hiện đảm bảo các đề tài đủ kinh phí để thực hiện và kết thúc năm 2023 theo kế hoạch. Giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện, tránh để việc chậm tiến độ, phải gia hạn kéo dài thời gian thực hiện dẫn đến đề tài chậm tiến độ và không còn tính cấp thiết so với thực tiễn

b. Đề tài mở mới bắt đầu thực hiện từ năm 2023

Tiếp tục thực hiện 06 chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ đã phê duyệt trong đó trọng tâm vào các đề tài phục vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Xây dựng các nhóm đề tài phục vụ sửa đổi, xây dựng 1 số Luật mới như Luật Biến đổi khí hậu, Luật Địa chất và Khoáng sản, Luật Tài nguyên nước.... ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực đất đai, đo đạc bản đồ và viễn thám, tài nguyên nước, môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, địa chất khoáng sản, biển và hải đảo và ứng dụng khoa học và công nghệ trong chuyển đổi số và chính phủ điện tử; ĐMST trong các ngành, lĩnh vực, các hướng công nghệ ưu tiên. Dự kiến số lượng đề tài thực hiện năm 2023 như sau:

TT	Chương trình	Kinh phí dự kiến phê duyệt (triệu đồng)	Số lượng (đề tài)	Phương thức thực hiện	
				Tuyển chọn	Trực tiếp
	Chương trình 01	13.350	8	7	1
1	Chương trình 02	19.050	11	11	0

TT	Chương trình	Kinh phí dự kiến phê duyệt (triệu đồng)	Số lượng (đề tài)	Phương thức thực hiện	
				Tuyển chọn	Trực tiếp
2	Chương trình 03	13.600	5	4	1
3	Chương trình 04	21.600	11	6	5
4	Chương trình 05	15.950	7	7	0
5	Chương trình 06	28.650	17	17	0
6	Chương trình 562	30.300	14	0	14
7	Chương trình 996	9.200	4	0	4
8	Chương trình 885	24.018	4	4	0
	Tổng cộng	175.718	81	56	25

Chương trình 01: Chương trình “Nghiên cứu khoa học phục vụ hoàn thiện chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường giai đoạn 2021-2025”, mã số TNMT.01/21-25

Chương trình 02: Chương trình “Nghiên cứu, ứng dụng phát triển công nghệ mới, tiên tiến trong công tác điều tra cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, quan trắc, dự báo, cảnh báo tài nguyên và môi trường giai đoạn 2021 - 2025”, mã số TNMT.02/21-25

Chương trình 03: Chương trình “Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị máy móc làm chủ công nghệ đáp ứng yêu cầu của công tác điều tra cơ bản về tài nguyên thiên nhiên và xử lý môi trường giai đoạn 2021 – 2025”, mã số TNMT.03/21-25

Chương trình 04: Chương trình “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong chuyển đổi số và chính phủ điện tử ngành tài nguyên và môi trường giai đoạn 2021 - 2025”, mã số TNMT.04/21-25

Chương trình 05: Chương trình “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ sử dụng hợp lý tài nguyên tái tạo; tái chế, tái sử dụng rác thải hướng tới nền kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025” mã số TNMT.05/21-25

Chương trình 06: Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ về dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ công tác phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025", mã số TNMT.06/21-25

Chương trình 562: Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực Hóa học, Khoa học sự sống, Khoa học trái đất và Khoa học biển giai đoạn 2017 - 2025 (QĐ 562/QĐ-TTg ngày 25/04/2017).

Chương trình 996: Chương trình Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (QĐ 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018)

Chương trình 885: Chương trình phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030 (Quyết định 885/QĐ-TTg 23/6/2020 của TTCP).

3.2. Kế hoạch xây dựng, ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2023-2025

3.2.1. Tiêu chuẩn quốc gia

Năm 2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường dự kiến xây dựng 24 tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, trong đó Lĩnh vực Khí tượng thủy văn 02 TCVN, Lĩnh vực công nghệ thông tin 01 TCVN, Lĩnh vực địa chất khoáng sản 19 TCVN, lĩnh vực đất đai 02 TCVN.

(1) Lĩnh vực khí tượng thủy văn:

Đối với Lĩnh vực khí tượng thủy văn, năm 2023 việc xây dựng các TCVN tập trung vào các TCVN về bảo quản, bảo dưỡng công trình quan trắc khí tượng thủy văn và điều tra lũ vùng sông không ảnh hưởng thủy triều.

Trong quá trình quan trắc khí tượng thủy văn, yêu cầu về vị trí, công trình quan trắc khí tượng thủy văn có vai trò rất lớn, giúp công tác quan trắc khí tượng thủy văn được thuận lợi, đảm bảo. Các công trình, phương tiện phục vụ quan trắc khí tượng thủy văn hàng tháng, hàng năm phải được bảo quản, bảo dưỡng theo định kỳ nhằm đảm bảo công trình, phương tiện được hoạt động tốt, không làm gián đoạn công tác quan trắc khí tượng thủy văn, nâng cao chất lượng số liệu khí tượng thủy văn. Xây dựng TCVN “Bảo quản, bảo dưỡng công trình và phương tiện quan trắc khí tượng thủy văn” nhằm mục đích: tăng cường năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn nói chung và công tác bảo quản, bảo dưỡng công trình và phương tiện quan trắc khí tượng thủy văn nói riêng; chuẩn hóa công tác bảo quản, bảo dưỡng công trình và phương tiện quan trắc khí tượng thủy văn, phù hợp với sự thay đổi công nghệ thiết bị đo; Phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

Điều tra lũ vùng sông không ảnh hưởng thủy triều đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quan trắc thủy văn. Do đó, để hoàn thiện được bộ tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực KTTV thì tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều tra lũ vùng sông không ảnh hưởng thủy triều là một phần không thể thiếu mà hiện nay chưa có TCVN. Trong quá trình quan trắc khí tượng thủy văn, yêu cầu về điều tra lũ vùng sông không ảnh hưởng thủy triều có vai trò rất lớn, giúp công tác quan trắc khí tượng thủy văn được thuận lợi, đảm bảo tăng cường năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn nói chung và công tác Điều tra lũ vùng sông không ảnh hưởng thủy triều nói riêng; chuẩn hóa công tác Điều tra lũ vùng sông

không ảnh hưởng thủy triều, phù hợp với sự thay đổi công nghệ thiết bị đo đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

(2) Lĩnh vực Công nghệ thông tin:

Dịch vụ đối tượng bản đồ trên web (WFS) do Tổ chức Không gian địa lý mở (Open Geospatial Consortium (OGC) phát triển và công bố lần đầu vào ngày 17/5/2002 (WFS 1.0.0). Phiên bản tiếp theo WFS 1.1.0 được ban hành vào ngày 03/05/2005. Phiên bản mới nhất WFS 2.0.0 được công bố vào tháng 11/2010 và cũng chính là ISO/DIS 19142, đây cũng là phiên bản được khuyến nghị sử dụng phổ biến trong các khung liên thông của một số quốc gia trên thế giới.

Hiện nay, ở Việt Nam chưa được xây dựng tiêu chuẩn về dịch vụ đối tượng bản đồ trên web. Để đảm bảo việc tìm kiếm, khám phá và truy xuất dữ liệu của ngành tài nguyên môi trường một cách nhanh chóng, dễ dàng và đáng tin cậy, việc xây dựng TCVN về dịch vụ đối tượng bản đồ trên web trên cơ sở tham khảo chuẩn quốc tế trên là cần thiết. Đặc biệt, việc xây dựng tiêu chuẩn sẽ bổ sung đầy đủ và đồng bộ vào hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thông tin địa lý, góp phần nâng cao chất lượng và phát triển đồng bộ công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

(3) Lĩnh vực địa chất khoáng sản:

Các phương pháp địa vật lý lỗ khoan được áp dụng trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình, đánh giá và thăm dò khoáng sản, nghiên cứu môi trường. Địa vật lý lỗ khoan xác định trạng thái kỹ thuật lỗ khoan, lấy mẫu, mở vỉa, theo dõi sự biến đổi cơ lý trong quá trình khoan.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 02/2011/TT-BTNMT ngày 29 tháng 1 năm 2011 Quy định kỹ thuật đo địa vật lý lỗ khoan. Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản, khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, điều tra tai biến địa 2 chất và các lĩnh vực khác có liên quan (gọi tắt là dự án chuyên môn) tiến hành công tác địa vật lý lỗ khoan.

Để tiêu chuẩn hóa các quy định trên cần thiết ban hành các TCVN về đo địa vật lý lỗ khoan.

(4) Lĩnh vực quản lý đất đai

Theo Luật đất đai năm 2013 quy định: Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia được xây dựng thống nhất trong phạm vi cả nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quốc tế được công nhận tại Việt Nam. Mặc dù trong cơ sở dữ liệu về điều tra cơ bản về đất đai có kết quả của công tác quan trắc ô nhiễm đất đai. Tuy nhiên, các nội dung, cấu trúc chưa được quy định đầy đủ cũng như chưa có tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu đất đai Quốc Gia - Yêu cầu về Cơ sở dữ liệu quan trắc ô nhiễm đất đai, các thông số, đặc tính kỹ thuật, chất lượng của các đối tượng

quản lý trong các cơ sở dữ liệu thành phần nêu trên chưa được quy định cụ thể. Chính vì vậy, nhằm quy định chi tiết về đặc tính kỹ thuật, chuẩn để phân loại, đánh giá, quản lý chất lượng cơ sở dữ liệu đất đai nói chung cũng như cơ sở dữ liệu ô nhiễm đất đai nói riêng, góp phần nâng cao chất lượng và quản lý hiệu quả công tác đánh giá đất, cần thiết phải xây dựng Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu đất đai Quốc Gia - Yêu cầu về Cơ sở dữ liệu quan trắc ô nhiễm đất đai.

Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia là hạ tầng quan trọng để cung cấp dịch vụ dữ liệu cho các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước các cấp để thực hiện tin học hóa các quy trình nghiệp vụ quản lý nhà nước, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ cho công dân, doanh nghiệp. Theo Luật đất đai năm 2013 quy định: Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia được xây dựng thống nhất trong phạm vi cả nước theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quốc tế được công nhận tại Việt Nam. Mặc dù tại Thông tư số 75/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2015 quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu đất đai có quy định về siêu dữ liệu mới chỉ quy định chủ yếu về cơ sở dữ liệu địa chính, cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê và cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các siêu dữ liệu về cơ sở dữ liệu khác chưa được quy định cũng như chưa có tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu đất đai Quốc Gia - Yêu cầu về siêu dữ liệu đất đai, các thông số, đặc tính kỹ thuật, chất lượng của các đối tượng quản lý trong các cơ sở dữ liệu thành phần nêu trên chưa được quy định cụ thể.

Tổng kinh phí dự kiến xây dựng TCVN năm 2023 là 4.360 triệu đồng (trong đó 2.800 triệu đồng cho kế hoạch mở mới năm 2023; 1560 là kinh phí giao cho các nhiệm vụ xây dựng TCVN chuyển tiếp từ năm 2022).

Tổng hợp kế hoạch xây dựng và ban hành Tiêu chuẩn quốc gia năm 2023-2025

STT	Lĩnh vực	Kế hoạch giai đoạn năm 2023 - 2025	
		Xây dựng	Ban hành
1	Đất đai	05	05
2	Tài nguyên nước	0	01
3	Địa chất và khoáng sản	98	112
4	Môi trường	0	29
5	Khí tượng thủy văn	04	07
6	Biến đổi khí hậu	0	01
7	Biển và hải đảo	0	0
8	Đo đạc và bản đồ	07	07
9	Viễn thám	0	02

10	Công nghệ thông tin	01	01
	Tổng hợp	115	165

3.2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 2234/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc phê duyệt Danh mục xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2022-2025.

Bên cạnh đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng rà soát và đề xuất xây dựng 01 QCVN về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000 và 01 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình thành lập bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000 từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia.

Theo đó, năm 2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường tập trung vào xây dựng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc các lĩnh vực: đo đạc và bản đồ (03 QCVN); khí tượng thủy văn (01 QCVN).

Đối với QCVN thuộc lĩnh vực khí tượng thủy văn: Trong những năm qua, công tác xây dựng TCQC khí tượng thủy văn tập trung đối với hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn, trong khi đó đối với lĩnh vực dự báo, và chủ yếu liên quan đến quy trình dự báo, cảnh báo thiên tai bão, lũ. Theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 24 Luật Khí tượng thủy văn năm 2015, Hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia có trách nhiệm đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

Thực hiện quy định của Luật, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các Thông tư quy định kỹ thuật đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quy định kỹ thuật đánh giá và độ tin cậy cho các giá trị dự báo cụ thể cho từng loại bản tin dự báo, cảnh báo của các đơn vị dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và các tổ chức, cá nhân được cấp phép.

Hiện nay, quy định đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (KTTV) trong các thông tư hiện hành chủ yếu dựa vào độ lệch của giá trị dự báo so với giá trị quan trắc, tuy nhiên mức sai số cho phép (độ tin cậy) của yếu tố đang áp dụng chung cho các khu vực theo đánh giá của các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, khoảng tin cậy đó là rộng và chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Quy định đối với dự báo độ cao sóng biển, độ tin cậy trong khoảng từ -40% đến 40% giá trị dự báo chênh lệch so với giá trị quan trắc cũng khá rộng vì với quy định này thì hầu như các bản tin đều đủ độ tin cậy. Còn đối với dự báo thủy văn với sai số cho phép quy định bằng 0,64 độ lệch chuẩn liệu còn phù hợp bởi hiện tại mực nước các sông đang bị ảnh hưởng bởi các hồ chứa.

Bên cạnh đó đã có nhiều doanh nghiệp trong nước được cấp phép hoạt động dự báo, cảnh báo và trong tương lai có thể là các doanh nghiệp nước ngoài sẽ đăng

ký tham gia hoạt động dự báo, cảnh báo tại Việt Nam. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, việc áp dụng các công nghệ dự báo, cảnh báo tiên tiến của các đơn vị trong hệ thống dự báo, cảnh báo KTTV quốc gia và các tổ chức, cá nhân được phép hoạt động dự báo, cảnh báo sẽ góp phần nâng cao chất lượng, độ tin cậy của các bản tin, đồng thời cũng tạo sự phân hóa trong chất lượng dự báo, cảnh báo (do trình độ, ứng dụng các mô hình, công nghệ dự báo khác nhau và điều kiện cơ sở vật chất...).

Do đó cần thiết phải chuẩn hóa giới hạn sai số cho phép của các yếu tố dự báo, cảnh báo KTTV nhằm phù hợp với thực tiễn và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Đối với QCVN thuộc lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ:

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ hành chính Việt Nam:

Thông tư Số 47/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường quy định kỹ thuật về thành lập bản đồ hành chính các cấp hiện không còn phù hợp với Luật Đo đạc và bản đồ và Nghị định.

Tại Điều 26 của Luật Đo đạc và bản đồ năm 2018 đã quy định cụ thể việc thành lập bản đồ hành chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thành lập; tổ chức thành lập, cập nhật bản đồ hành chính Việt Nam khi có sự thay đổi liên quan đến đơn vị hành chính; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thành lập, cập nhật bản đồ hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thuộc phạm vi quản lý khi có sự thay đổi liên quan đến đơn vị hành chính; gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường một bộ bản sao dữ liệu dạng số và một bộ bản đồ hành chính cấp tỉnh, cấp huyện in trên giấy trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hành; Việc thành lập bản đồ hành chính phải thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Với các lý do trên, cần thiết phải xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ hành chính Việt Nam để đảm bảo một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ, thống nhất, tuân thủ đúng quy định của Luật Đo đạc và bản đồ.

+ Các văn bản quy phạm hiện thời về thành lập Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000 và xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000 đã ban hành đến nay không còn phù hợp với Luật Đo đạc và bản đồ Nghị định số. Từ năm 2019 đến nay Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam đã và đang xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia các tỷ lệ đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đo đạc và bản đồ.

Quy định Bản đồ địa hình quốc gia được thành lập từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia là một quy định mới của Luật Đo đạc và bản đồ, quy định này gắn với sự đổi mới về công nghệ, đổi mới về sản phẩm, đổi mới về quy trình thành lập sản phẩm so với trước đây, do vậy Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này là quy chuẩn được xây dựng mới trên cơ sở kinh nghiệm của các Dự án đã thực hiện tại Cục Đo đạc,

Bản đồ và Thông tin địa lý từ năm 2019 đến nay. Quy chuẩn này cũng là cơ sở để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho sản phẩm bản đồ địa hình quốc gia.

Với các lý do trên, cần thiết phải xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000 và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình thành lập bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000 từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia để đảm bảo một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ, thống nhất, tuân thủ đúng quy định của Luật Đo đạc và bản đồ.

Tổng hợp kế hoạch xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giai đoạn năm 2023 - 2025

STT	Lĩnh vực	Kế hoạch giai đoạn năm 2023 - 2025	
		Xây dựng	Ban hành
1	Đất đai	0	0
2	Tài nguyên nước	0	0
3	Địa chất và khoáng sản	0	0
4	Môi trường	0	29
5	Khí tượng thủy văn	05	08
6	Biến đổi khí hậu	0	01
7	Biển và hải đảo	0	0
8	Đo đạc và bản đồ	04	10
9	Viễn thám	0	02
10	Công nghệ thông tin	0	0
	Tổng hợp	9	50

Trên đây là Báo cáo tham luận *Đánh giá hiệu quả về công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ của ngành, việc xây dựng ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong năm 2022 và các chương trình nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trọng điểm, kế hoạch ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn của ngành trong giai đoạn 2022-2025 của Vụ Khoa học và Công nghệ.*

VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ